

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1888/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung thị trấn Bình Liêu,
huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật Nhà ở ngày 25/11/2014; Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ “V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng “V/v quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn”;

Căn cứ Nghị quyết số 837/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “V/v sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh”

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

Căn cứ Quy hoạch chung xây dựng huyện Bình Liêu giai đoạn 2010 - 2025 và tầm nhìn ngoài năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3919/QĐ-UBND ngày 21/12/2010; Điều chỉnh cục bộ (giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn ngoài năm 2030) tại Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 15/9/2015;

Căn cứ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Liêu tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 05/5/2023;

Căn cứ Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 13/4/2023;

Căn cứ nhiệm vụ Quy hoạch chung tỷ lệ 1/5.000 thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 04/6/2021;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 68/TTr-SXD ngày 26/6/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch chung tỷ lệ 1/5.000 thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040; Tờ trình số 1602/TTr-UBND ngày 31/5/2023 của UBND huyện Bình Liêu và ý kiến tham gia của các thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040 với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, diện tích và thời hạn quy hoạch.

1.1. Phạm vi nghiên cứu.

Phạm vi ranh giới trực tiếp bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính thị trấn Bình Liêu và mở rộng nghiên cứu gián tiếp ra 02 khu vực thuộc xã Lục Hồn và xã Vô Ngại; giới hạn như sau: Phía Đông giáp xã Lục Hồn huyện Bình Liêu; Phía Tây giáp xã Vô Ngại, huyện Bình Liêu; Phía Nam giáp xã Húc Động, huyện Bình Liêu và xã Đại Thành, huyện Tiên Yên; Phía Bắc giáp Biên giới Việt Trung.

1.2. Quy mô, diện tích lập quy hoạch: 5.146ha, trong đó thị trấn Bình Liêu hiện hữu 4.581ha, mở rộng khoảng 565ha (gồm 352ha thuộc xã Lục Hồn và 276ha thuộc xã Vô Ngại).

1.3. Thời hạn quy hoạch: Ngắn hạn đến năm 2030; dài hạn đến năm 2040.

2. Mục tiêu lập quy hoạch.

- Cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Liêu đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2025 đã được phê duyệt.

- Mở rộng không gian thị trấn Bình Liêu theo Nghị quyết số 837/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các khu vực lân cận phát triển mở rộng thị trấn Bình Liêu theo hướng lan tỏa mở rộng tạo động lực cho vùng trung tâm thị trấn Bình Liêu trong tương lai, đảm bảo các tiêu chí phát triển đô thị bền vững.

- Phát triển kinh tế và đô thị Bình Liêu với các yêu cầu gia tăng tỷ trọng ngành dịch vụ; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

- Từng bước xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đô thị theo xu hướng hiện đại, đồng bộ; xây dựng các tiêu chí, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng để từng bước phát triển thành đô thị loại IV giai đoạn 2025- 2030.

- Xây dựng quy chế quản lý kiến trúc đô thị làm cơ sở lập quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư và tổ chức quản lý thu hút đầu tư, xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt phù hợp quy định của pháp luật.

3. Tính chất đô thị.

- Là đô thị miền núi, biên giới; là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện Bình Liêu;

- Là điểm hội tụ của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn huyện Bình Liêu gắn kết với trung tâm các xã biên giới, kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái rừng; khai thác hiệu quả, tiềm năng, thế mạnh các tiểu vùng, các xã biên giới, các xã lân cận thị trấn Bình Liêu.

- Là cửa ngõ thương mại, dịch vụ hỗ trợ của khẩu Hoàn Mô, Đồng Văn và trung tâm du lịch vùng núi cấp tỉnh.

- Là khu vực có vai trò quan trọng về quốc phòng, an ninh Quốc gia.

4. Dự báo quy mô dân số, quy mô đất đai.

- Dân số hiện trạng khoảng 8.367 người (chưa bao gồm dân số quy đổi);

- Dân số đến năm 2030: Khoảng 16.500 người (bao gồm cả dân số quy đổi); trong đó: Thị trấn Bình Liêu hiện hữu khoảng 15.000 người; khu vực mở rộng khoảng 1.500 người.

- Dân số đến năm 2040: Khoảng 50.000 người (bao gồm cả dân số quy đổi); trong đó: Thị trấn Bình Liêu hiện hữu khoảng 35.000 người; khu vực mở rộng 15.000 người.

5. Quy hoạch sử dụng đất đai.

5.1. Nhu cầu đất xây dựng.

- Đến năm 2030: Quy mô đất dân dụng khoảng 264,51ha, đất ngoài dân dụng khoảng 266,78ha (trong đó, trong ranh giới hành chính thị trấn Bình Liêu: đất dân dụng khoảng 210ha, đất ngoài dân dụng khoảng 155ha);

- Đến năm 2040: Quy mô đất dân dụng khoảng 428,08ha, đất ngoài dân dụng khoảng 418,11ha (trong đó, trong ranh giới hành chính thị trấn Bình Liêu: đất dân dụng khoảng 332,5ha, đất ngoài dân dụng khoảng 242,9ha).

5.2. Quy hoạch sử dụng đất các giai đoạn.

TT	Hạng mục đất	Năm 2030		Năm 2040	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Dân số (người)	15.000		35.000	
	Tổng toàn khu quy hoạch	4.518,00	100,00	4.518,00	100,00
I	Đất dân dụng	210,03	4,65	332,52	7,36
1	Đất nhóm nhà ở	153,27	3,39	201,07	4,45
1.1	Đất nhóm nhà ở hiện trạng cải tạo	131,65	2,91	131,65	2,91
1.2	Đất nhóm nhà ở mới	21,62	0,48	69,42	1,54
2	Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	1,38	0,03	5,31	0,12
3	Đất giáo dục (THCS, Tiểu học, Mầm non)	7,32	0,16	9,80	0,22
4	Đất dịch vụ - công cộng (văn hóa, TDTT, thương mại,...)	5,60	0,12	13,20	0,29
5	Đất cơ quan, trụ sở đô thị	0,25	0,01	0,25	0,01
6	Đất cây xanh sử dụng công cộng	7,78	0,17	19,83	0,44
7	Đất giao thông đô thị	31,34	0,69	78,36	1,73
8	Đất hạ tầng kỹ thuật đô thị	3,09	0,07	4,70	0,10
II	Đất ngoài dân dụng	155,01	3,43	242,92	5,38
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	5,50	0,12	5,50	0,12
2	Đất trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu	3,02	0,07	3,02	0,07
2.1	Đất giáo dục (trường THPT)	2,02	0,04	2,02	0,04
2.2	Đất trung tâm đào tạo, nghiên cứu	1,00	0,02	1,00	0,02
3	Đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	5,10	0,11	5,10	0,11
4	Đất dịch vụ, du lịch	29,02	0,64	85,65	1,90
5	Đất trung tâm y tế	1,87	0,04	4,22	0,09
6	Đất trung tâm VH, TDTT	2,37	0,05	2,37	0,05
7	Đất cây xanh chuyên dụng	43,39	0,96	72,32	1,60
8	Đất di tích, tôn giáo	0,05	0,001	0,05	0,001
9	Đất an ninh	1,98	0,04	1,98	0,04

TT	Hạng mục đất	Năm 2030		Năm 2040	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
10	Đất quốc phòng	14,80	0,33	14,80	0,33
11	Đất GT đối ngoại và liên khu vực	43,38	0,96	43,38	0,96
12	Đất hạ tầng kỹ thuật ngoài đô thị	4,53	0,10	4,53	0,10
III	Đất nông, lâm nghiệp và các chức năng khác	4.152,95	91,92	3.942,56	87,26
1	Đất dự trữ phát triển	44,63	0,99	44,63	0,99
2	Đất nghĩa trang	-	-	-	-
3	Đất sản xuất nông nghiệp	338,11	7,48	257,59	5,70
4	Đất lâm nghiệp	3.611,30	79,93	3.481,43	77,06
5	Mặt nước (sông, suối, kênh, rạch,...)	158,91	3,52	158,91	3,52

6. Định hướng phát triển không gian và thiết kế đô thị.

6.1. Bố cục không gian kiến trúc toàn đô thị.

a. Hướng phát triển không gian và cấu trúc đô thị.

- Định hướng phát triển không gian đến năm 2030: Phát triển về phía hai bờ sông Tiên Yên và các vùng đồi thấp ven thị trấn Bình Liêu về hướng Đông (xã Lục Hồn) và hướng Tây (xã Vô Ngại) gắn với Quốc lộ 18C tạo tiền đề gắn kết thành khu trung tâm đô thị loại IV. Định hình trong tương lai là đô thị sinh thái, cảnh quan ven sông và đô thị dọc trục Quốc lộ 18C.

- Cấu trúc không gian được phân thành 02 vùng:

+ Vùng trung tâm thị trấn chia làm 04 tiểu khu phát triển: Khu trung tâm hiện hữu cải tạo (Khu I); Khu vực đô thị phát triển mới (Khu II); Khu vực đô thị đào tạo, du lịch - dịch vụ công cộng chất lượng cao (Khu III); Khu vực đô thị sinh thái (Khu IV) với 2 tiểu khu kiểm soát phát triển (Khu V và khu VI). Tổ chức thành các cụm đô thị gắn với các hình thái đặc trưng của từng khu vực; hình thành hành lang phát triển hai bên Quốc lộ 18C gắn kết với sông Tiên Yên đoạn qua thị trấn Bình Liêu để khai thác quỹ đất có cao độ thấp, bằng phẳng. Bổ sung tuyến đường tránh Quốc lộ 18C phía Đông Nam thị trấn Bình Liêu để phân luồng xe vận tải đi qua khu vực đô thị, đồng thời làm cơ sở để phát triển không gian ra các khu vực xung quanh.

+ Vùng bảo tồn cảnh quan (kiểm soát phát triển) chia thành 02 tiểu khu: Khu du lịch sinh thái và bảo tồn cảnh quan phía Bắc (Khu V) và Khu du lịch sinh thái - cộng đồng và cảnh quan phía Nam (Khu VI). Được xác định là vùng hỗ trợ phát triển về du

lich, nông nghiệp sạch và là vùng cảnh quan đồi núi; định hướng chính là cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện trạng và hình thành các khu vực hoạt động nông lâm nghiệp theo hướng hàng hóa. Tổ chức điểm dân cư nông thôn gắn với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại khu vực hồ Khe Và.

- Các khu vực đô thị trong khu trung tâm được tổ chức thành các cụm, giới hạn phạm vi phát triển bởi các không gian xanh, công viên. Các điểm nút giao cắt giữa các tuyến giao thông chính đô thị và đường khu vực được khai thác phát triển thành các trung tâm dịch vụ đô thị, điểm nhấn cho không gian các tiểu vùng. Khu vực nghiên cứu mở rộng sang xã Vô Ngại và xã Lục Hồn định hướng thành các khu dân cư đô thị vệ tinh cho khu trung tâm, hỗ trợ phát triển cho thị trấn Bình Liêu. Khu vực phía Đông thị trấn Bình Liêu (khu nghiên cứu mở rộng thuộc bản Chang Nà, Khau Phưởng) định hướng phát triển thành các làng văn hóa, du lịch để liên kết với hệ thống du lịch theo đề án phát triển du lịch của huyện.

- Không gian xây dựng chủ yếu là hình thái thấp tầng, mật độ xây dựng thấp gắn với không gian cây xanh, đồi núi và mặt nước để tạo điểm nhấn; nghiên cứu giải pháp kè 02 bên bờ Sông Tiên Yên đoạn qua khu vực trung tâm thị trấn Bình Liêu (có thể nghiên cứu xây dựng đập ngăn nước để hình thành hồ cảnh quan tại trung tâm thị trấn Bình Liêu).

- Trung tâm hành chính, chính trị của huyện: Trước mắt giữ nguyên hiện trạng, cải tạo chỉnh trang công trình, không gian để đảm bảo nhu cầu sử dụng. Khu vực Huyện ủy được giữ nguyên và cải tạo chỉnh trang; khu vực Ban Chỉ huy quân sự cạnh khu Huyện ủy được chuyển sang vị trí mới tại xã Vô Ngại, vị trí trụ sở cũ định hướng chuyển đổi thành Trụ sở Huyện ủy, UBND huyện hoặc các cơ quan khác khi có nhu cầu. Khu vực UBND huyện hiện trạng định hướng tiếp tục duy trì giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025, sau giai đoạn 2025 chuyển đổi là cơ quan chuyên môn cấp huyện.

Các khu vực chức năng chuyên ngành như: Y tế, giáo dục, văn hóa cấp đô thị được tổ chức phân tán theo địa hình, mở rộng cơ sở y tế, bổ sung cơ sở giáo dục đảm bảo quy mô và tiêu chí đô thị loại IV, các cơ sở giáo dục đảm bảo trường chuẩn theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- Các khu vực dân cư hiện trạng được kết hợp hài hòa với các khu vực phát triển mới bởi các khoảng đệm cây xanh, công trình công cộng. Các khu vực phát triển mới phải tương đồng với khu vực hiện hữu về không gian kiến trúc cảnh quan để tăng giá trị đối với các khu vực hiện hữu.

- Mạng lưới không gian xanh - mặt nước đóng vai trò chủ đạo trong đô thị Bình Liêu. Sử dụng các yếu tố tự nhiên hiện hữu như sông hồ, mặt nước, đồi núi, các mảng xanh nông nghiệp, các chuỗi công viên để tạo nên hình ảnh đặc trưng cho không gian đô thị. Các khu vực có địa hình dốc cao, các chân đồi, hệ thống mặt nước được khai

thác sử dụng trên cơ sở mở rộng các khu vực thoát nước tự nhiên và nhân tạo để đáp ứng yêu cầu phòng chống ngập lụt kết hợp tạo cảnh quan đô thị, hạn chế tác động lớn đến địa hình tự nhiên và giữ nguyên nét đặc trưng cảnh quan riêng cho khu vực thị trấn Bình Liêu.

- Đảm bảo hành lang cách ly cho các tuyến giao thông đối ngoại (tuyến tránh Quốc lộ 18C) phía Đông Nam thị trấn.

b. Khu vực trọng tâm, các tuyến điểm nhấn, điểm nhìn quan trọng.

- Khu vực trọng tâm đô thị: Không gian 2 bên sông Tiên Yên của trung tâm thị trấn cũ và khu vực thị trấn mở rộng được định hướng phát triển các trung tâm dịch vụ công cộng. Tại các khu vực này bố trí quảng trường, không gian công cộng gắn với công viên trung tâm, bến bãi đỗ xe tạo nên không gian mở, giới hạn bởi các công trình chức năng xung quanh.

- Các tuyến quan trọng: gồm Quốc lộ 18C hiện hữu, trục Bắc Nam, đường tránh Quốc lộ 18C phía Nam, trục ven sông Tiên Yên, trục thị trấn Bình Liêu đi Móng Cái, đoạn tuyến đường tỉnh 342 kéo dài qua địa phận huyện Bình Liêu kết nối vào đường Bình Liêu - Móng Cái. Tại các tuyến trục này phát triển kết hợp giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, không gian các cầu vượt sông gắn với hoạt động thương mại. Mặt đứng các tuyến trục này đóng vai trò hình ảnh đặc trưng của đô thị thị trấn Bình Liêu.

- Các điểm nhìn quan trọng: Các điểm quan sát quan trọng định hướng cho thiết kế đô thị là điểm nhìn dọc tuyến Quốc lộ 18C, điểm nhìn dọc trục trung tâm mới, điểm nhìn từ khu vực đồi Truyền hình, khu vực bờ Bắc sông Tiên Yên.

6.2. Định hướng phát triển các tiểu khu.

a) Khu I - Khu vực đô thị hiện hữu.

- Vị trí: Khu vực trung tâm thị trấn Bình Liêu hiện hữu.

- Tính chất, chức năng: Trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, y tế, văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao của huyện Bình Liêu.

- Diện tích khoảng 153 ha; dân số đến năm 2040 khoảng 12.250 người.

- Mật độ xây dựng gộp khoảng 30-50%. Tầng cao: 1-9 tầng (trong đó các công trình nhà ở có tầng cao tối đa là 5 tầng; cụ thể tại chỉ tiêu quy hoạch thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất).

- Định hướng quy hoạch: Thực hiện cải tạo chỉnh trang không gian kiến trúc cảnh quan. Nâng cấp, bổ sung hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật theo tiêu chí đô thị loại IV; phát triển không gian đô thị thấp tầng, mật độ xây dựng trung bình; phát triển hoàn chỉnh khu ở mới ven sông Tiên Yên (Khu Bình Quân); phát triển khu du lịch trải nghiệm tại khu vực đồi truyền hình.

b) Khu II - Khu đô thị mới Co Nhan.

- Vị trí: Phía Đông khu vực đô thị hiện hữu.

- Tính chất, chức năng: Là khu đô thị mới để mở rộng khu vực đô thị hiện hữu, có chức năng dịch vụ, phục vụ cho khu vực trung tâm đô thị thị trấn Bình Liêu hiện hữu.

- Quy mô khoảng 97 ha; dân số đến năm 2040 khoảng 4.970 người.

- Mật độ xây dựng gộp khoảng 30-40%. Tầng cao: 1-15 tầng (trong đó các công trình nhà ở có tầng cao tối đa là 5 tầng; cụ thể tại chỉ tiêu quy hoạch thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất).

- Định hướng quy hoạch: Phát triển đô thị theo mô hình đô thị sinh thái; bố trí các công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ cao tầng tại khu vực tuyến tránh Quốc lộ 18C và ven sông Tiên Yên. Phát triển mở rộng, cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư hiện trạng xã Tình Húc cũ; xây dựng trung tâm công cộng - dịch vụ - hỗn hợp ven sông và công viên trung tâm; xây dựng khu du lịch sinh thái, trải nghiệm ven bờ sông Tiên Yên.

c) Khu III - Khu đô thị du lịch - dịch vụ Co Nhan - Nà Phạ.

- Vị trí: Phía Đông khu vực đô thị mới Co Nhan.

- Tính chất, chức năng: Là khu vực đô thị dịch vụ - du lịch, chuyển giao công nghệ, dịch vụ công cộng, thông tin.

- Quy mô khoảng 159 ha; dân số đến năm 2040 khoảng 7.180 người;

- Mật độ xây dựng gộp khoảng 30-40%. Tầng cao: 1-15 tầng (trong đó các công trình nhà ở có tầng cao tối đa là 5 tầng; cụ thể tại chỉ tiêu quy hoạch thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất).

- Định hướng quy hoạch: Phát triển khu dân cư có hạ tầng tiện cận với đô thị gắn với cải tạo chỉnh trang các khu vực làng xóm hiện hữu tạo nên không gian sinh thái. Nâng cấp, mở rộng Trung tâm y tế hiện hữu; khuyến khích xây dựng thêm 01 trung tâm y tế/bệnh viện đa khoa (khi có nhu cầu). Xây dựng khu du lịch theo mô hình làng văn hóa các dân tộc liên kết với các tuyến điểm du lịch trên toàn huyện Bình Liêu làm động lực phát triển của thị trấn Bình Liêu.

d) Khu IV - Khu đô thị sinh thái Nà Làng.

- Vị trí: Phía Bắc sông Tiên Yên, giáp với khu trung tâm hiện hữu và khu đô thị mới Co Nhan.

- Tính chất, chức năng: Khu đô thị sinh thái.

- Quy mô khoảng 56 ha; dân số đến năm 2040 khoảng 5.610 người;

- Mật độ xây dựng gộp khoảng 30-40%. Tầng cao: 1-7 tầng (trong đó các công trình nhà ở có tầng cao tối đa là 5 tầng; cụ thể tại chỉ tiêu quy hoạch thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất).

- Định hướng quy hoạch: Phát triển khu dân cư ven sông Tiên Yên, gắn với cải tạo chỉnh trang các khu vực làng xóm hiện hữu tạo nên không gian ở sinh thái. Phát triển khu trung tâm hỗn hợp dịch vụ hỗ trợ phát triển du lịch cho khu vực Khe Và; quy hoạch kết nối với khu trung tâm thị trấn hiện hữu bằng hệ thống cầu. Phát triển không gian hướng tâm về sông Tiên Yên. Ưu tiên xây dựng các nhóm nhà ở thấp tầng, bố trí một số công trình dịch vụ cao tối đa 7 tầng làm điểm nhấn kiến trúc; hình thành các khu đi bộ ven sông liên kết với khu du lịch làng văn hóa các dân tộc và khu du lịch Bản Chuông.

e) Khu V - Khu du lịch sinh thái và bảo tồn cảnh quan Khe Và.

- Vị trí: Phía Bắc khu đô thị sinh thái Nà Làng.

- Tính chất, chức năng: Là khu vực bảo tồn và phát triển rừng tại phía Bắc thị trấn Bình Liêu kết hợp phát triển du lịch sinh thái hồ Khe Và.

- Quy mô: Diện tích khoảng 1.969,0 ha; dân số đến năm 2040 khoảng 260 người (cơ bản giữ nguyên các điểm dân cư tại khu Khe Và).

- Mật độ xây dựng gộp khoảng 5-10%. Tầng cao: 1-5 tầng (đối với các khu bảo tồn, hạn chế xây dựng, bảo tồn nghiêm ngặt khu vực hồ Khe Và; cụ thể tại chỉ tiêu quy hoạch thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất).

- Định hướng quy hoạch: Bảo vệ và giữ gìn rừng phòng hộ, rừng tự nhiên tại khu vực. Bảo tồn và bảo vệ các giá trị cảnh quan, văn hóa, công trình có giá trị hiện hữu; bổ sung hạ tầng dịch vụ phục vụ hoạt động du lịch tập trung; phát triển xây dựng thấp tầng, mật độ thấp, gắn với địa hình tự nhiên hiện trạng.

f) Phân khu VI - Khu du lịch sinh thái - cộng đồng Pắc Liêng.

- Vị trí: Phía Nam thị trấn Bình Liêu hiện hữu.

- Tính chất, chức năng: Là khu vực cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư ven trung tâm thị trấn Bình Liêu; là khu vực bảo tồn, gìn giữ rừng phòng hộ, rừng tự nhiên và cảnh quan đồi núi và khai thác khu du lịch sinh thái - du lịch cộng đồng.

- Quy mô khoảng 2.084,0ha; dân số đến năm 2040 khoảng 4.730 người.

- Mật độ xây dựng gộp khoảng 15-20%. Tầng cao: 1-9 tầng (trong đó các công trình nhà ở có tầng cao tối đa là 5 tầng; cụ thể tại chỉ tiêu quy hoạch thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất);

- Định hướng quy hoạch: Bảo vệ và giữ gìn rừng phòng hộ, rừng tự nhiên tại khu vực; cải tạo chỉnh trang các khu vực dân cư hiện hữu; ưu tiên phát triển các khu ở với không gian sinh thái. Bảo tồn và bảo vệ các giá trị cảnh quan, văn hóa công trình hiện hữu có giá trị; Phát triển khu du lịch đồi truyền hình và khu du lịch cộng đồng Pắc Liêng; phát triển nhà ở thấp tầng, mật độ xây dựng thấp.

g) Phân khu VII - Khu dân cư phía Tây thị trấn Bình Liêu (khu vực nghiên cứu mở rộng I tại xã Vô Ngại).

- Vị trí: Phía Tây trung tâm đô thị hiện hữu.

- Tính chất, chức năng: Là khu vực cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện hữu; là khu vực phát triển mở rộng giai đoạn sau năm 2030.

- Quy mô khoảng 276ha; dân số đến năm 2040 khoảng 13.420 người.

- Mật độ xây dựng gộp khoảng 20-40%. Tầng cao: 1-7 tầng (cụ thể tại chỉ tiêu quy hoạch thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất).

- Định hướng: Cải tạo các khu dân cư hiện hữu, bố trí bổ sung các công trình hạ tầng xã hội, thiết chế văn hóa; hình thành nhóm nhà ở mới tại điểm đầu mỗi tuyến tránh quốc lộ 18C qua thị trấn Bình Liêu sau khi tuyến đường tránh được xây dựng.

h) Phân Khu VIII - Khu du lịch Bản Chuồng (Khu nghiên cứu mở rộng II tại xã Lục Hồn).

- Vị trí: Phía Nam thị trấn Bình Liêu hiện hữu.

- Tính chất, chức năng: Là khu du lịch cộng đồng phía Bắc sông Tiên Yên; là khu vực cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện hữu; là khu vực phát triển mở rộng giai đoạn sau năm 2030.

- Quy mô khoảng 352ha; dân số đến năm 2040 khoảng 1.580 người.

- Mật độ xây dựng gộp khoảng 15-20%. Tầng cao: 1-9 tầng (khu dân cư hiện trạng, cải tạo chỉnh trang, khu ở mới tầng cao tối đa 5 tầng, các công trình dịch vụ, du lịch, dịch vụ tầng cao tối đa 9 tầng; cụ thể tại chỉ tiêu quy hoạch thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất).

- Định hướng: Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu theo hướng nhà ở sinh thái; định hướng phát triển hoàn thiện khu du lịch Bản Chuồng theo tiêu chí khu du lịch cấp quốc gia, liên kết với khu du lịch làng văn hóa Bản Chuồng thành tổ hợp trung tâm du lịch dịch vụ của huyện Bình Liêu và vùng Đông Bắc Quảng Ninh tỉnh Quảng Ninh.

7. Thiết kế đô thị.

- Định hướng phát triển đô thị theo hướng trung tầng và thấp tầng. Chiều cao xây dựng các công trình công cộng tuân thủ các tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành.

- Khu vực nút giao cắt quốc lộ 18C, đường tránh và trục chính khu vực, trục trung tâm... cho phép phát triển cao tầng (tối đa 15 tầng) để tạo điểm nhấn kiến trúc cho đô thị, các khu dân cư cho phép chiều cao tối đa 7 tầng tại khu vực trung tâm thị trấn.

+ Dọc các trục chức năng chính của đô thị tầng cao tối thiểu 5 tầng. Dọc các trục phát triển chính đô thị đi qua khu du lịch, vùng cảnh quan cần tạo không gian thoáng đãng với hình ảnh của các công trình thương mại dịch vụ, nhà ở thấp tầng, chiều cao tối đa 03 tầng.

+ Khu vực làng xóm hiện hữu và nhà ở sinh thái mới dạng biệt thự, nhà ở sân vườn phát triển thấp tầng: không quá 3 tầng. Chiều cao tối đa đối với khu các khu vực nhà ở là 5 tầng.

+ Tầng cao công trình được quy định cụ thể trong quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị cụ thể ở giai đoạn tiếp theo, phù hợp với QCXD VN01:2021 cho từng chức năng ô đất cụ thể.

- Định hướng mật độ xây dựng.

+ Khu vực dân cư đô thị hiện hữu tại thị trấn phát triển trung tầng, kiểm soát tầng cao đồng đều theo từng khu vực.

+ Các khu vực điểm nút giao thông, có nhu cầu hoạt động thương mại cao, khuyến khích xây dựng mật độ cao để tăng khả năng cung cấp dịch vụ công cộng, tạo thuận lợi cho người sử dụng.

+ Khu vực làng xóm hiện hữu và nhà ở sinh thái mới dạng biệt thự, nhà ở sân vườn phát triển thấp tầng: không quá 5 tầng. Chiều cao tối đa đối với khu các vực nhà ở là 7 tầng đối với khu vực trung tâm.

+ Công trình hỗn hợp, công cộng thương mại dịch vụ tối đa 15 tầng trong khu hiện hữu là 9 tầng và 15 tầng đối với các khu mới.

+ Các khu vực phát triển mới như khu đào tạo, khu du lịch, khu nhà ở sinh thái được kiểm soát theo hướng mật độ thấp, tăng cường diện tích cây xanh.

+ Mật độ nén, tập trung cao theo từng khu vực chức năng và mật độ thấp về các khu vực không gian cây xanh mặt nước.

+ Mật độ xây dựng được quy định cụ thể trong quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị cụ thể ở giai đoạn tiếp theo, phù hợp với QCXD VN01:2021 cho từng chức năng ô đất cụ thể.

8. Định hướng quy hoạch hạ tầng xã hội.

8.1. Định hướng quy hoạch Trụ sở làm việc cơ quan hành chính.

- Trụ sở làm việc: Trong giai đoạn trước mắt, tiếp tục cải tạo nâng cấp hệ thống trụ sở làm việc cấp huyện và thị trấn Bình Liêu để đáp ứng yêu cầu làm việc và cung cấp dịch vụ hành chính công.

- Trụ sở UBND thị trấn Bình Liêu: Chuyển đổi trạm y tế thị trấn Bình Liêu hiện nay thành phần mở rộng của UBND thị trấn Bình Liêu. Trong tương lai, dự trữ phát triển trung tâm hành chính tập trung tại khu đô thị dịch vụ tích hợp để phục vụ hoạt động của thị trấn, đáp ứng yêu cầu mở rộng của thị trấn. Khu trung tâm mới khi có nhu cầu bố trí tại khu vực phù hợp với quy mô khoảng 1,0 -1,5 ha.

- Các khu vực chức năng chuyên ngành như y tế, giáo dục, văn hóa cấp đô thị vẫn được tổ chức phân tán theo địa hình, trong đó mở rộng cơ sở y tế, bổ sung cơ sở giáo dục đảm bảo quy mô và chỉ tiêu đô thị loại IV.

8.2. Định hướng quy hoạch sản xuất công nghiệp.

- Tập trung phát triển các ngành sản xuất công nghiệp phù hợp (sản xuất miễn đồng, tinh dầu, dầu hoa sả...); công nghiệp chế biến lâm sản, chế biến đồ gỗ gia dụng; không định hướng phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Một số cơ sở tiểu thủ công nghiệp nhỏ (nghề mộc, cơ khí nhỏ...) chuyển đổi tập trung sang các thôn Nà Cặp, Vô Ngại. Tiếp tục thực hiện việc di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường tại thị trấn, không phù hợp với quy hoạch đô thị vào khu vực quy hoạch cụm công nghiệp của huyện Bình Liêu.

8.3. Định hướng quy hoạch dịch vụ thương mại.

- Khuyến khích phát triển các phương tiện vận tải hàng hóa đường bộ, đặc biệt là kết nối các khu vực trong và ngoài huyện Bình Liêu với thị trấn Bình Liêu và thị trấn Bình Liêu với khu vực cửa khẩu Hoàn Mô - Đồng Văn.

- Hình thành các công trình dịch vụ thương mại cấp đô thị tại khu vực cửa ngõ, các trục đường hướng tâm và vành đai quan trọng, giao lộ của các tuyến đường, quảng trường trước các công viên cây xanh. Các trung tâm thương mại cấp đô thị tối thiểu 1,5ha/công trình; chợ dân sinh tối thiểu 0,2 ha/công trình.

- Cải tạo, nâng cấp chợ trung tâm huyện Bình Liêu hiện hữu. Bố trí Trung tâm thương mại và siêu thị tại khu vực trung tâm đô thị tiếp giáp quốc lộ 18C. Xây dựng các chợ truyền thống tại khu đô thị mới với quy mô 2.000-5.000m².

8.4. Định hướng quy hoạch dịch vụ du lịch.

- Phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa mang bản sắc dân tộc thiểu số, bảo tồn và tôn tạo cảnh quan, môi trường tự nhiên và truyền thống văn hóa của các dân tộc đảm bảo phát triển du lịch bền vững.

- Xây dựng tại phía Đông thị trấn Bình Liêu khu du lịch mô hình Làng văn hóa các dân tộc là Trung tâm du lịch của huyện Bình Liêu; là nơi hội tụ của các dân tộc trên địa bàn.

- Xây dựng khu du lịch sinh thái - văn hóa cộng đồng tại khu vực ven sông Tiên Yên (Bản Chuồng), nhân rộng mô hình các bản văn hóa trên địa bàn huyện như bản văn hóa dân tộc Tày tại Bản Cẩu, xã Lục Hồn, Bản văn hóa dân tộc Sán Chỉ gắn với cảnh quan di tích danh thắng Khe Vằn, xã Húc Động, Bản văn hóa dân tộc Dao ở bản Sông Moóc A, xã Đồng Văn...

- Tập trung khai thác, nâng cao chất lượng dịch vụ của các điểm danh thắng, sinh thái trọng điểm của thị trấn Bình Liêu và liên kết với hệ thống du lịch toàn huyện như:

Thác Khe Vần, thác Khe Tiền, bãi đá thần Cao Ba Lanh, thác Sông Moóc, Đỉnh Cao Xiêm,... đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển dịch vụ nhà hàng, khách sạn; lựa chọn xây dựng các sản phẩm đặc trưng phục vụ du lịch của địa phương nhằm thu hút và tăng thời gian lưu trú, mua sắm của khách du lịch.

8.5. Định hướng quy hoạch nông, lâm, ngư nghiệp.

- Phát triển nông nghiệp gắn với chương trình cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, chế biến, sơ chế sau thu hoạch; triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 và Đề án chuỗi các sản phẩm nông sản chủ lực cấp tỉnh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

- Hình thành và phát triển vùng trồng cây dược liệu như cây hồi, ba kích, cây sỏ,... tại Khe Và, Pắc Liêng đảm bảo sự đa dạng trong cung ứng cho nguyên liệu đầu ra thị trường.

- Phát triển sản xuất hàng hóa với quy mô nhỏ và vừa với mô hình hộ gia đình và nông trại. Gắn kết và tận dụng các phụ phẩm trong ngành trồng trọt để thúc đẩy ngành chăn nuôi phát triển. Kêu gọi và thu hút đầu tư của các xã hội hóa có kinh nghiệm trong việc thúc đẩy trang trại lớn tại các vùng sản xuất và khu chăn nuôi công nghệ cao tập trung.

- Về lâm nghiệp: Khoanh vùng bảo vệ tại các khu vực rừng lâu năm nhằm tránh việc xói mòn đất đảm bảo môi trường sinh thái an toàn cho đa dạng sinh học. Khai thác rừng trồng mới phục vụ cho sản xuất đồ gỗ gia dụng, gỗ chế biến gỗ xuất khẩu, đồng thời khoanh vùng rừng trồng và khai thác ổn định. Hình thành kinh tế trang trại, vườn ươm, cây đặc sản theo vùng. Phát triển đa dạng hóa các mô hình nông - lâm nghiệp kết hợp trồng rừng và chăn nuôi gia súc.

8.6. Định hướng phát triển nhà ở.

- Phát triển đa dạng hóa các loại nhà ở như: nhà ở truyền thống của các dân tộc trên địa bàn tại khu vực làng xóm hiện hữu (bảo tồn các nhà cổ có giá trị văn hóa cao) kết hợp với nhà đặc trưng của các dân tộc Bình Liêu. Đối với các khu vực phát triển đô thị mới khuyến khích nhà ở riêng lẻ thấp tầng, đảm bảo hài hòa với cảnh quan tự nhiên xung quanh.

- Đối với khu vực tiếp giáp với các trục đường đô thị trung tâm như quốc lộ 18C, ưu tiên dạng nhà ở tiết kiệm quỹ đất, phù hợp với dịch vụ thương mại và nhu cầu ở của người dân đô thị.

- Bố trí quỹ đất tái định cư: Với các khu vực nhà ở hiện hữu cần giải phóng mặt bằng để thực hiện các chức năng khác sẽ được tái định cư tại các khu vực cụ thể khi triển khai dự án. Quy mô tái định cư mỗi hộ khoảng 150m²- 200m²/hộ. (Việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn phù hợp với Quyết định số 300/2017/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 02/8/2017).

- Bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội:

+ Phát triển các khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà cho thuê, nhà thu nhập thấp... gắn với các khu vực phát triển khu công nghiệp, khu giáo dục đào tạo tập trung, các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị mới....

+ Quỹ đất và vị trí phát triển nhà ở xã hội sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập các quy hoạch chi tiết, dự án thành phần đảm bảo quy mô, diện tích theo quy định.

8.7. Định hướng quy hoạch cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Nâng cấp trạm y tế xã Tinh Húc thành trạm y tế thị trấn Bình Liêu quy mô khoảng 0,2ha.

- Mở rộng, nâng cấp trung tâm y tế huyện Bình Liêu hiện có, quy mô diện tích khoảng 1,6 ha với 2 chức năng là khám chữa bệnh và y tế dự phòng, nâng số giường điều trị lên 120 - 150 giường. Khuyến khích xây dựng thêm 01 trung tâm y tế/ bệnh viện đa khoa (khi có nhu cầu và sử dụng nguồn lực xã hội hóa) tại khu vực phía Đông khu đô thị mới (khu III) nhằm nâng cao năng lực khám chữa bệnh cho thị trấn nói riêng và huyện nói chung theo Đề án phát triển y tế.

- Tiếp tục thực hiện chính sách về bảo hiểm y tế, đặc biệt là bảo hiểm y tế đối với người nghèo và đồng bào dân tộc đảm bảo chế độ khám chữa bệnh và cấp thuốc theo bảo hiểm.

8.8. Định hướng quy hoạch cơ sở giáo dục đào tạo.

- Trường trung học phổ thông bố trí tại khu I với quy mô đảm bảo đủ phục vụ cho học sinh trong khu ở và khu vực lân cận. Cải tạo nâng cấp Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Bình Liêu, trường phổ thông nội trú Bình Liêu.

- Xây dựng mới 01 trường THPT phía Bắc quốc lộ 18C. Cải tạo, nâng cấp và xây mới hệ thống trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở được bố trí gắn với đất công cộng đơn vị ở, đảm bảo chỉ tiêu bình quân 10-12 m²/học sinh.

- Cải tạo, chỉnh trang các cơ sở trường và nâng cấp các thiết bị các trường mầm non, trường tiểu học, Trường THCS phục vụ cho thị trấn. Bố trí thêm hệ thống trường mầm non, tiểu học, Trường THCS đạt chuẩn quốc gia phục vụ dân cư mới, vị trí các trường bố trí theo phân bố dân cư, quy mô và chỉ tiêu đạt chuẩn quốc gia, hướng tới hình thành các cơ sở chất lượng cao, đảm bảo sự tiếp cận thuận lợi cho người dân và an toàn cho học sinh, với kiến trúc hiện đại, sinh thái và tạo môi trường văn minh cho hoạt động giáo dục đào tạo.

8.9. Định hướng quy hoạch cơ sở văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí.

- Cải tạo, chỉnh trang nhà văn hóa trung tâm huyện, sân thể thao hiện có của huyện tại trung tâm thị trấn; xây mới nhà thi đấu đa năng; bố trí nhà văn hóa tại khu vực đô thị mới phía Đông thị trấn hướng tới nhu cầu phát triển đô thị loại IV. Bố trí hệ thống công

viên cây xanh, khu vui chơi giải trí, sân thể dục thể thao tại các khu ở đảm bảo mỗi khu ở có một trung tâm văn hóa thể thao.

- Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc sinh sống trên địa bàn huyện kết hợp hài hòa với bản sắc văn hóa mới. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao và du lịch.

- Đất cây xanh đô thị: Các khu vực công viên, cây xanh, vườn hoa được nghiên cứu gắn kết khu vực hiện hữu với khu vực phát triển mới, khai thác triệt để không gian mặt nước hiện có.

- Rà soát, thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 14/04/2022.

8.10. Định hướng đảm bảo an ninh quốc phòng: Bảo vệ các khu vực đất, công trình quốc phòng, an ninh hiện trạng và các khu vực, dự kiến bố trí quy hoạch các công trình quốc phòng, an ninh đảm bảo hài hòa với phát triển kinh tế xã hội. Quá trình triển khai các dự án phát triển đô thị, hạ tầng đô thị thực hiện các thỏa thuận theo quy chế phối hợp đảm bảo mục tiêu về an ninh quốc phòng.

9. Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

9.1. Giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 18C: Là tuyến giao thông quan trọng, ngoài việc giao thông nối liền với cửa khẩu quốc gia, hình thành trục giao thông Bắc - Nam hướng ra biển. Hiện tại quốc lộ 18C đã được mở rộng, nâng cấp lên cấp III miền núi. Đoạn đi qua thị trấn Bình Liêu định hướng mở rộng theo tiêu chuẩn đường đô thị với quy mô 27m (Mặt cắt 1-1: Lòng đường 7,5mx2; dải phân cách giữa 2m; vỉa hè 5mx2).

- Tuyến tránh quốc lộ 18C: Tuyến đi phía Nam khu vực, giảm tải giao thông đối ngoại đi qua thị trấn, tuyến có quy mô 22,5m (Mặt cắt 2-2: lòng đường 7,5mx2; dải phân cách 1,5m; lề đường 3mx2).

- Đường tỉnh 342: Điểm đầu giao với đường tỉnh 326 khu vực Hạ Long, đi qua huyện Bình Liêu và đến giao với cao tốc Vân Đồn - Móng Cái tại Tiên Yên, chiều dài khoảng 111km, quy mô 4 làn xe. Đoạn qua khu vực thị trấn Bình Liêu có chiều dài 4,1 km, quy mô 4 làn xe 20m, mặt cắt 7-7: lòng đường 14m; lề đường 3mx2=6m. Xây dựng tuyến đường nối đường tỉnh 342 với tuyến tránh quốc lộ 18C tại khu vực trung tâm thị trấn với chiều dài 3,8km, quy mô 20m.

b) Đường thủy.

Các nhánh sông, suối chính trên địa bàn huyện Bình Liêu phần lớn có độ dốc cao, nhiều ghềnh đá, địa hình quanh co, không thuận lợi cho việc khai thác giao thông đường thủy.

c) Giao thông đô thị.

- Đường chính khu vực: Gồm hệ thống các tuyến đường kết nối các khu chức năng với tuyến đường đối ngoại:

+ Mặt cắt 1-1, quy mô đường rộng 27m: lòng đường 7,5m X 2=15m; dải phân cách 2m; vỉa hè 5m X 2=10m.

+ Mặt cắt 3-3, quy mô đường rộng 24m: lòng đường 14m; vỉa hè 5m X 2=10m, không có dải phân cách giữa.

- Đường khu vực, phân khu vực: Gồm hệ thống các tuyến liên kết các tiểu khu, gắn kết các tuyến đường nội bộ với tuyến đường chính khu vực.

+ Mặt cắt 4-4, quy mô đường rộng 20,5m: lòng đường 10m; vỉa hè 5m X 2=10m, không có dải phân cách giữa.

+ Mặt cắt 5-5, quy mô đường rộng 17m: lòng đường 7m; vỉa hè 5m X 2=10m, không có dải phân cách giữa.

- Đường huyện, đường xã mặt cắt 6-6, quy mô đường rộng 7,5m: lòng đường 5,5m; lề đường 1m x 2=2m, không có dải phân cách giữa.

- Giao thông tỉnh.

+ Bến xe: Xây dựng bến xe tại khu vực phía Tây thị trấn Bình Liêu với quy mô khoảng 2,4ha.

+ Bãi đỗ xe: Bố trí các bãi đỗ xe công cộng cho từng khu vực, đảm bảo nhu cầu đỗ xe cho toàn khu vực và khách vãng lai.

- Giao thông công cộng: Do thị trấn có diện tích không lớn nên không bố trí được các tuyến xe buýt nội bộ. Sử dụng hệ thống xe buýt liên huyện của tỉnh kết nối các địa phương trong tỉnh.

9.2. Cao độ nền.

Thiết kế cao độ khu vực quy hoạch trên cơ sở kế thừa quy hoạch chung xây dựng huyện Bình Liêu và bám sát địa hình tự nhiên huyện Bình Liêu để hạn chế đào đắp lớn: cốt tim đường cao nhất là: 148, thấp nhất là: 115 (cao độ, tọa độ nhà nước) địa hình dốc dần từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây. Cụ thể từng phân khu như sau:

- Phân khu I: Khu vực dân cư hiện hữu và quốc lộ 18C giữ nguyên cao độ nền hiện có, hạn chế san gạt nâng hạ nền. Từ các trục đường hiện hữu thiết kế cao độ các tuyến đường xây dựng mới với độ dốc dọc phù hợp tiêu chuẩn. Cao độ thiết kế thấp nhất tại vị trí phía Bắc quốc lộ 18C. Cao độ cao nhất tại vị trí đồi núi phía Nam của phân khu (Hmin: 115m; Hmax: 230m).

- Phân khu II: Khu vực này tiếp giáp với tuyến sông Tiên Yên và suối Pắc Hoóc do đó cao độ thiết kế cần đảm bảo an toàn so với mực nước lũ trên các sông. Dựa vào cao độ từ đập sông Pắc Hoóc và cao độ từ đường Quốc lộ 18C thiết kế cao độ khu vực trong khoảng: Hmin: 119,3m. Umax: 130m.

- Phân khu III: Khu vực chủ yếu phát triển xây dựng mới. Thiết kế cao độ xây dựng khu vực trong khoảng từ Hmin: 127,5m đến Hmax: 175m. Khu vực giáp sông Tiên Yên cần tôn đắp nâng nền thêm 1-2m đồng thời bổ sung thêm giải pháp kè sông đảm bảo an toàn. Khu vực đồi núi phía Nam phân khu khi xây dựng cần san gạt hạ thấp nền đảm bảo tiêu chuẩn độ dốc hiện hành.

- Phân khu IV: Khu vực có nền cao và an toàn so với lũ từ sông Tiên Yên. Cao độ xây dựng khu vực này từ Hmin: 127,5m đến Hmax: 136m. San gạt nền khu vực mới tương đương khu vực hiện trạng hạn chế đào đắp lớn.

- Phân khu V; VI: Chủ yếu là vùng đồi núi dốc. Khai thác xây dựng chỉ chọn các dạng công trình bám địa hình hạn chế san gạt quy mô lớn. Khu dân cư hiện hữu giữ nguyên cao độ nền.

9.3. Thoát nước mưa.

Các nhánh sông giữ vai trò tiêu thoát nước chính; chia thành 04 lưu vực:

- Lưu vực 1: Hai bờ sông Tiên Yên. Bao gồm diện tích phía Tây Bắc phân khu I; toàn bộ diện tích phân khu IV và phía Đông Bắc phân khu III. Nước mưa được thu gom thoát về sông Tiên Yên. Xây dựng đập mới tại gần cầu Pắc Hoóc 2, mở rộng diện tích mặt hồ, tạo cảnh quan và hỗ trợ giảm lũ trên sông.

- Lưu vực 2: Lưu vực sông Pắc Hoóc. Gồm một phần diện tích phía Đông phân khu I; phía Tây phân khu II; và một phần phân khu VI. Nước mưa tại đây tập trung về tuyến suối Pắc Hoóc sau đó ra sông Tiên Yên.

- Lưu vực 3: Lưu vực khe Bốc: Gồm một phần diện tích phía Đông phân khu II; Tây phân khu III và một phần diện tích Phân khu VI.

- Lưu vực 4: Gồm lưu vực thuộc Phân khu V. Nước mưa tại đây tập trung về nhánh suối hiện trạng sau đó thoát về sông Tiên Yên.

9.4. Cấp điện và chiếu sáng công cộng đô thị.

- Tổng nhu cầu phụ tải điện: Khoảng 25 MW.

- Nguồn điện: Xây dựng trạm 110KV Bình Liêu công suất 2x40MVA (theo Quy hoạch phát triển điện lực đã được phê duyệt).

- Lưới điện.

+ Đối với khu vực trung tâm, khu vực đô thị dự kiến xây dựng mới, khu vực có quy hoạch ổn định sẽ sử dụng cấp ngầm chống thấm dọc.

+ Đối với các khu đô thị hiện hữu và các khu dân ngoại thị, khu vực nông thôn, các khu công nghiệp sẽ sử dụng đường dây nổi bọc cách điện.

- Chiếu sáng công cộng đô thị.

+ Thiết kế chiếu sáng và lựa chọn thiết bị chiếu sáng phù hợp với cảnh quan kiến trúc đô thị.

+ Tại khu vực trung tâm thị trấn và các tuyến phố chính lưới chiếu sáng dự kiến được bố trí đi ngầm, trục đường thôn xóm và các trục nhánh được cải tạo và nâng cấp, sử dụng cáp đi nổi chung cột với lưới hạ thế.

9.5. Hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động.

- Nhu cầu: Nhu cầu khu vực nghiên cứu khoảng: 60.000 thuê bao.

- Tổ chức mạng lưới thông tin liên lạc từ hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có để đáp ứng các chức năng: thoại, truyền hình, truyền số liệu, truy nhập Internet và mạng truyền thanh/hình.

- Xây dựng mới các tuyến cáp quang đến các khu vực đô thị mới để đảm bảo cung cấp 100% dịch vụ. Có các tuyến truyền dẫn dự phòng, đảm bảo an toàn khi thiên tai, sự cố xảy ra.

- Từng bước triển khai xây dựng hạ tầng hệ thống cống bể, cột treo cáp, cột ăng ten dùng chung giữa các đơn vị viễn thông, điện, nước để đảm bảo mỹ quan đô thị và tiết kiệm chi phí trong việc đầu tư. Khuyến khích triển khai phát triển hạ tầng theo hình thức xã hội hóa.

- Mạng truyền hình đảm nhận cung cấp dịch vụ truyền hình (gồm cả miễn phí và có phí) cho cộng đồng sống và làm việc tại khu vực nghiên cứu. Nhà cung cấp dịch vụ truyền hình sẽ triển khai mạng của họ tới từng đơn vị qua mạng cáp truyền hình hoặc đầu thu tín hiệu.

9.6. Cấp nước.

- Tổng nhu cầu cấp nước đến năm 2030 khoảng 5.000 m³/ngđ; đến năm 2040 khoảng 10.000 m³/ngđ

- Nguồn nước: Lựa chọn sông Tiên Yên và hồ chứa nước Khe Ngày, hồ Khe Và là nguồn nước chính.

- Nâng cấp nhà máy nước Bình Liêu hiện có công suất hiện có 2.000 m³/ngđ, đến năm 2030 nâng công suất lên 4.000 m³/ngđ; đến năm 2040 nâng công suất lên khoảng 6.000 m³/ngđ.

- Xây dựng mới nhà máy nước hồ Khe Ngày tại xã Vô Ngại đến năm 2030, công suất khoảng 4.000m³/ngđ; đến năm 2040, công suất khoảng 8.000m³/ngđ; sử dụng nguồn nước hồ Khe Ngày và hồ Khe Và.

- Chữa cháy họng cứu hỏa được bố trí trên mạng lưới cấp nước chính. Vị trí của các họng cứu hỏa sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và thiết kế mạng lưới cứu hỏa của khu vực.

- Ngoài các họng cứu hỏa cần bố trí thêm các điểm lấy nước mặt phục vụ cứu hỏa tại khu vực hồ, kênh mương theo quy hoạch để tăng cường khả năng phục vụ phòng cháy, chữa cháy.

9.7. Thu gom và xử lý nước thải.

- Dự báo tổng lượng nước thải phát sinh khoảng 2.500 m³/ngđ (năm 2030) và 6.500 m³/ngđ (năm 2040), trong đó:

+ Khu vực trung tâm thị trấn, cải tạo hệ thống thoát nước hiện có, tách riêng hệ thống thoát nước thải và thoát nước mưa. Đối với các khu xây dựng mới phải xây dựng hệ thống thoát nước riêng. Tận dụng địa hình để nước thải tự chảy theo đường cống về khu xử lý.

+ Nước thải thu gom về các trạm XLNT tập trung với tổng công suất khoảng 3.500 m³/ngđ. Trạm XLNT cần thiết kế theo các module, phù hợp với phân đợt xây dựng. Quỹ đất trạm XLNT đảm bảo tính dự phòng để có khả năng đáp ứng kịp thời tránh trường hợp ô nhiễm môi trường do quá tải.

+ Khu vực dân cư làng xóm mật độ thấp, khu dân cư nông thôn, dân cư độc lập xa trung tâm, lượng nước thải nhỏ, sử dụng giải pháp xử lý cục bộ cho từng công trình hoặc nhóm công trình bằng các loại bể cải tiến (BASTAF), tận dụng các ao hồ, đất nông nghiệp để xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên, giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường. Khi được đô thị hóa, các khu vực này sẽ xây dựng bổ sung hệ thống cống bao và trạm bơm, đưa nước thải về trạm XLNT theo quy hoạch để xử lý. Trạm XLNT cũng sẽ được xây dựng bổ sung các đơn nguyên để đảm bảo công suất xử lý.

+ Thu gom và xử lý nước thải các khu du lịch: Xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình.

- Thu gom và xử lý nước thải y tế: Đảm bảo QCVN 28-2010/BTNMT trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước chung.

9.8. Thu gom và quản lý chất thải rắn.

- Dự báo tổng lượng chất thải rắn phát sinh khoảng 19 tấn/ngđ (năm 2030) và 26 tấn/ngđ (năm 2040), trong đó:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: phân loại sơ cấp tại nguồn.

+ Chất thải rắn y tế nguy hại: xử lý bằng lò đốt đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Bố trí các trạm trung chuyển hoặc điểm tập kết chất thải rắn cho các khu vực phát thải lớn gắn với các tuyến giao thông chính.

- Dự kiến quy hoạch các khu xử lý chất thải rắn tập trung:

+ Ngắn hạn: Rác thải tại thị trấn Bình Liêu sau thu gom được chuyển về khu xử lý chất thải rắn tại thôn Tùng Cầu, xã Vô Ngại để xử lý.

+ Dài hạn: Ngừng sử dụng bãi chôn lấp tại thôn Tùng Cầu, xã Vô Ngại sau khi khai thác hết công suất thiết kế. Định hướng 100% CTR được thu gom đưa về các khu xử lý tập trung theo định hướng quy hoạch tỉnh đã xác định.

9.9. Quản lý nghĩa trang.

- Khoanh vùng các nghĩa địa, mộ lẻ rải rác nằm xen trong khu dân cư, trước mắt trồng cây xanh cách ly, từng bước di dời về nghĩa trang mới khi xây dựng để hạn chế ảnh hưởng đến cảnh quan và môi trường.

- Xây dựng 01 nghĩa trang mới tại phía Tây thị trấn khu vực Khe Ngày, quy mô khoảng 10-12 ha, phục vụ huyện Bình Liêu theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện và quy hoạch vùng tỉnh Quảng Ninh đã được duyệt.

- Khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly, đóng cửa các nghĩa trang hiện trạng nằm trong ranh giới thị trấn.

- Nhà tang lễ: Xây dựng 01 nhà tang lễ cho thị trấn, quy mô khoảng 1 ha. Vị trí cụ thể xác định trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết dự án, ưu tiên vị trí tại các nghĩa trang hiện trạng trong phạm vi thị trấn có dự kiến đóng cửa, các bệnh viện xây mới để tối ưu hóa hoạt động. Khuyến khích người dân thị trấn sử dụng dịch vụ hỏa táng.

10. Đánh giá môi trường chiến lược.

- Bảo vệ hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, các thảm thực vật tại khu vực đồi núi, khu vực ven suối, có độ dốc lớn; trồng cây xanh, phục hồi cảnh quan tại các vực nước lớn như sông Ba Chẽ... Bảo vệ rừng tự nhiên, rừng sản xuất, không chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp ngoài khu vực đã được quy hoạch xây dựng.

- Khai thác và sử dụng nguồn nước hợp lý, duy trì và bảo vệ diện tích mặt nước, tạo vùng lưu trữ nước.

- Kiểm soát ô nhiễm các khu vực phát triển đô thị, du lịch. Khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong sản xuất nông nghiệp và sử dụng phương tiện giao thông công cộng. Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đặc biệt là hạ tầng thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn.

- Xây dựng hệ thống quan trắc và giám sát định kỳ về môi trường đất, nước, không khí, tiếng ồn tại các khu vực nhạy cảm về môi trường.

11. Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn đầu.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Ban hành Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch chung tỷ lệ 1/5000 thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040 kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Quy hoạch này làm cơ sở để quản lý quy hoạch, triển khai các bước tiếp theo để cụ thể hóa đồ án được duyệt theo quy định. Một số nội dung cần tiếp tục nghiên cứu triển khai trong quá trình lập các quy hoạch chi tiết và triển khai các dự án:

- Đồ án quy hoạch chung được phê duyệt với tỷ lệ 1/5.000, thể hiện đến cấp đường khu vực hoặc tương đương và ô đất giới hạn bởi các đường khu vực hoặc tương đương. Các tuyến đường có lộ giới $\leq 16m$ và các khu vực chức năng liên quan, các dự án, công trình có quy mô diện tích nhỏ sẽ được cụ thể hóa tại các đồ án quy hoạch lớp dưới. Yêu cầu UBND huyện Bình Liêu trong quá trình triển khai thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy hoạch định hướng được cấp thẩm quyền phê duyệt, phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, thực tế hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và định hướng phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các khu vực chức năng, dự án, công trình (hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật) sẽ được tiếp tục xác định cụ thể, chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và các dự án đầu tư.

- Đối với các khu vực có liên quan đến đất rừng: Thực hiện rà soát, kiểm tra, đánh giá toàn bộ diện tích đất rừng khi triển khai các quy hoạch lớp dưới, dự án đầu tư cần phải đảm bảo tuân thủ Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/11/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/08/2017, các chỉ đạo của Tỉnh ủy, của UBND tỉnh về công tác quản lý rừng trên địa bàn tỉnh...

- Đối với các khu vực có liên quan đến đất quốc phòng, đất địa hình được quy hoạch quản lý theo Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện rà soát kỹ lưỡng các khu vực liên quan, triển khai các thủ tục đầu tư đảm bảo quy định pháp luật hiện hành đảm bảo quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội của huyện Bình Liêu.

- Về phân khu giai đoạn thực hiện quy hoạch: Căn cứ định hướng trong đồ án quy hoạch này, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện Bình Liêu, điều kiện hiện trạng, địa hình tự nhiên và những lợi thế phát triển của các khu vực để xác định lộ trình và các giai đoạn đầu tư phát triển cho các khu vực cho phù hợp; ưu tiên phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, cải tạo nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội các khu dân cư hiện có, các công trình quan trọng, các dự án sản xuất kinh doanh, dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch,...

2. UBND huyện Bình Liêu:

- Chịu trách nhiệm toàn diện về dữ liệu, số liệu, nội dung và bản vẽ trình duyệt, không hợp thức hóa sai phạm trong việc tự ý chuyển đổi đất rừng, đất nông nghiệp (đặc biệt là các khu vực hiện trạng, các khu vực được quy hoạch là đất rừng tự nhiên, rừng phòng hộ). Thực hiện nghiêm các nội dung quy hoạch và triển khai định hướng quỹ đất phát triển nhà ở xã hội (vẽ khu vực, diện tích) theo quy hoạch được duyệt.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch; xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch...; quản lý hiện trạng, đất đai theo quy định; rà soát tổng thể các quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt trong phạm vi ranh giới quy hoạch chung để thực hiện thu hồi, hủy bỏ các quy hoạch không còn phù hợp, triển khai lập mới hoặc điều chỉnh đảm bảo các quy định pháp luật hiện hành; trong quá trình triển khai lưu ý:

+ Đảm bảo tuân thủ các quy hoạch định hướng được cấp thẩm quyền phê duyệt, phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, thực tế hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và định hướng phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

+ Cập nhật hiện trạng, lồng ghép với bản đồ địa chính để lập quy hoạch đảm bảo thống nhất và đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và thực trạng địa hình, sử dụng đất;

- Quản lý giám sát việc xây dựng công trình theo quy hoạch được duyệt, thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định, giám sát việc đầu tư xây dựng trong ranh giới quy hoạch, xử lý các trường hợp xây dựng trái phép không tuân thủ quy hoạch được duyệt.

- Thực hiện lập và trình duyệt chương trình phát triển đô thị thị trấn Bình Liêu, quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Bình Liêu theo quy định.

3. Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng; phối hợp với UBND huyện Bình Liêu quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.

4. Các Sở, ban, ngành liên quan phối hợp với UBND huyện Bình Liêu quản lý ngành theo quy hoạch và theo chức năng, nhiệm vụ quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 3919/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 “V/v phê duyệt quy hoạch chung thị trấn Bình Liêu giai đoạn 2010 - 2025 và tầm nhìn ngoài năm 2025”, và Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 “V/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị trấn Bình Liêu giai đoạn 2010 - 2025 và tầm nhìn ngoài năm 2025”. Hồ sơ Quy hoạch chung được phê duyệt kèm theo Quyết định này thay thế hồ sơ Quy hoạch chung đã được UBND tỉnh phê duyệt kèm theo Quyết định số 3919/QĐ-UBND ngày 21/12/2010, phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 15/9/2015.

Điều 5. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Văn hóa Thể thao, Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh, Chủ tịch UBND huyện Bình Liêu; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Q. CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Cao Tường Huy

**PHỤ LỤC KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1888/QĐ-UBND NGÀY 07/7/2023
CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2023-2030 TRÊN ĐỊA BÀN THỊ TRẤN
 BÌNH LIÊU**

STT	Tên dự án	Quy mô	Thời gian	Nguồn vốn
A	Nhóm dự án quy hoạch			
1	Lập QHCT các khu đô thị mới		2022-2030	Ngân sách (hoặc xã hội hóa)
2	Lập QHCT các khu chức năng		2022-2030	Ngân sách (hoặc Xã hội hóa)
B	Nhóm dự án hạ tầng kỹ thuật			
1	Nâng cấp QL.18C	4 làn xe	2022-2025	Ngân sách
2	Đường tránh thị trấn Bình Liêu	4 làn xe	2022-2025	Ngân sách
3	Xây dựng ĐT.342	4 làn xe	2022-2025	Ngân sách
4	Xây dựng đập dâng nước tại khu vực thị trấn Bình Liêu		2022-2025	Ngân sách
5	Kè hai bờ sông Tiên Yên đoạn qua thị trấn.	Tổng chiều dài kè 5,7km.	2022-2025	Ngân sách
6	San lấp nền khu vực phát triển mới tại khu Bình Quân	Khối lượng dự tính 135.000m ³ .	2022-2025	Ngân sách (hoặc Xã hội hóa)
7	San nền, đào đắp khu vực phát triển mới tại khu Co Nhan	Khối lượng dự tính 284.000m ³ .	2025-2030	Ngân sách (hoặc Xã hội hóa)
8	Xây dựng hệ thống thoát nước trên các trục đường giao thông qua thị trấn	Tổng chiều dài cống dự tính 20km.	2025-2030	Ngân sách (hoặc Xã hội hóa)
9	Nâng cấp Nhà máy nước Bình Liêu lên công suất 4.000 m ³ /ngđ	4.000 m ³ /ngđ	2022-2025	Ngân sách (hoặc Xã hội hóa)
10	Xây dựng bổ sung các tuyến ống cấp nước phù hợp với các khu vực ưu tiên phát triển		2022-2025	Ngân sách (hoặc Xã hội hóa)

STT	Tên dự án	Quy mô	Thời gian	Nguồn vốn
C	Nhóm dự án phát triển kinh tế			
1	Xây dựng HTKT các khu dân cư đô thị mới khác		2022-2030	Ngân sách
2	Khu du lịch làng văn hóa (kết nối với khu Bản văn hóa người Tày tại xã Lục Hồn)		2022-2025	Ngân sách (hoặc Xã hội hóa)
D	Nhóm dự án hạ tầng xã hội			
1	Trường THPT Bình Liêu		2022-2025	Ngân sách
2	Trường Tiểu học thị trấn cơ sở Khu Nà Phạ (chất lượng cao)		2022-2025	Ngân sách
3	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm y tế huyện		2022-2025	Ngân sách
4	Nâng cấp cải tạo chợ thị trấn		2022-2025	Ngân sách (hoặc Xã hội hóa)
5	Trung tâm thương mại tại thị trấn Bình Liêu		2022-2025	Xã hội hóa
6	Xây dựng trung tâm y tế đa khoa khu vực trung tâm		2022-2025	Ngân sách (hoặc Xã hội hóa)